

Số: .../2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

NGHỊ ĐỊNH**Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm: Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; theo dõi, sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; chế độ báo cáo, cung cấp thông tin về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm khác trong tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật không quy định trong Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bảo đảm khách quan, toàn diện, công khai, kịp thời, hiệu quả; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; có trọng tâm, trọng điểm.

2. Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, có kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan nhà nước, sự tham gia của cá nhân, tổ chức trong tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Bảo đảm sự gắn kết giữa tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật với xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

4. Bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương II

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THI HÀNH, THEO DÕI, SƠ KẾT, TỔNG KẾT VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ BÁO CÁO, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC THI HÀNH, THEO DÕI VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mục 1

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THI HÀNH, THEO DÕI, SƠ KẾT, TỔNG KẾT VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 3. Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Chính phủ tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được phân công.

Tổ chức pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan thuộc Chính phủ tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được phân công.

Điều 4. Trách nhiệm của chính quyền địa phương trong tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thống nhất quản lý nhà nước về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đôn đốc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

c) Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn việc quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật;

d) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo dõi việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Tổng hợp, báo cáo Chính phủ về tổ chức thi hành pháp luật;

e) Xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ:

a) Phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đôn đốc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực;

c) Phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật;

d) Đôn đốc, kiểm tra việc theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực; phối hợp thực hiện theo dõi việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Tổng hợp, báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc;

e) Xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

4. Trách nhiệm của cơ quan thuộc Chính phủ:

a) Phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Tổng hợp, báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được phân công;

c) Xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được phân công.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Phối hợp thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đôn đốc cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp dưới về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương;

c) Phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật;

d) Đôn đốc, kiểm tra việc theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương; phối hợp thực hiện theo dõi việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Tổng hợp, báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật ở địa phương theo lĩnh vực quản lý gửi đến Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc;

e) Xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí nguồn lực để triển khai việc tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương.

Điều 6. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Trách nhiệm của các cơ quan về sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan ban hành văn bản tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.

Mục 2

BÁO CÁO, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC THI HÀNH, THEO DÕI VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 7. Báo cáo về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc báo cáo về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi chung là báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật):

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trên địa bàn theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này gửi về Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân xây dựng báo cáo về công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương;

b) Bộ, cơ quan ngang Bộ tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này vào báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này gửi về Bộ Tư pháp;

c) Cơ quan thuộc Chính phủ báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực được phân công theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này gửi về Bộ Tư pháp;

d) Bộ Tư pháp tổng hợp báo cáo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật trong phạm vi toàn quốc gửi Chính phủ.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan, tổ chức báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm cung cấp thông tin về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin về tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp.

Chương III

NỘI DUNG TỔ CHỨC THI HÀNH, THEO DÕI, SƠ KẾT, TỔNG KẾT VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ BÁO CÁO, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC THI HÀNH, THEO DÕI VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mục 1

TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 9. Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi chung là luật, nghị quyết, pháp lệnh) quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải được xây dựng kế hoạch triển khai thi hành.

Văn bản quy phạm pháp luật khác được xây dựng kế hoạch triển khai thi hành trong trường hợp cần thiết theo quyết định của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Việc ban hành kế hoạch triển khai thi hành luật, nghị quyết, pháp lệnh do Chính phủ trình được thực hiện như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết, pháp lệnh được thông qua theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản đó;

b) Căn cứ nhiệm vụ được giao và tính chất, nội dung của luật, nghị quyết, pháp lệnh, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kế hoạch triển khai thi hành văn

bản được Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản trong phạm vi thẩm quyền của cơ quan mình.

3. Việc ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật khác trong trường hợp cần thiết được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành kế hoạch trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua hoặc ban hành;

b) Căn cứ nhiệm vụ được giao và tính chất, nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kế hoạch triển khai thi hành văn bản được Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, cơ quan, đơn vị có liên quan ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản trong phạm vi thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình.

4. Căn cứ nhiệm vụ được giao và tính chất, nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai thi hành văn bản gồm một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung cần thiết khác, bảo đảm xác định rõ kết quả cụ thể của từng nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời hạn thực hiện.

Điều 10. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

1. Thẩm quyền hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật là cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn áp dụng văn bản;

b) Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng văn bản trong trường hợp được cơ quan ban hành văn bản uỷ quyền hướng dẫn.

2. Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền, Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Hội đồng nhân dân có trách nhiệm ban hành văn bản uỷ quyền việc hướng dẫn áp dụng văn bản.

3. Việc tiếp nhận đề nghị và hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện như sau:

a) Trường hợp đề nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật không thuộc thẩm quyền hướng dẫn, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan đã tiếp nhận đề nghị phải có văn bản trả lời cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị nêu rõ lý do và đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân

chuyển đến cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đó;

b) Trường hợp đề nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền hướng dẫn của cơ quan tiếp nhận đề nghị hoặc được uỷ quyền, trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị hoặc văn bản uỷ quyền, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn phải có văn bản hướng dẫn gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp đề nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan khác nhau, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị hoặc văn bản uỷ quyền, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn phải gửi văn bản hoặc tổ chức cuộc họp với các cơ quan có liên quan để phối hợp hướng dẫn áp dụng văn bản.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu phối hợp, cơ quan có liên quan phải có văn bản trả lời đối với những nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của mình.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của cơ quan có liên quan hoặc ngày tổ chức họp với các cơ quan có liên quan, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn phải có văn bản hướng dẫn gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị.

Điều 11. Phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật

1. Biên soạn tài liệu phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản biên soạn tài liệu phổ biến, giáo dục đối với văn bản quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Cơ quan ban hành văn bản biên soạn tài liệu phổ biến, giáo dục đối với thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương;

2. Đăng tải tài liệu phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật:

a) Tài liệu phổ biến, giáo dục đối với văn bản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia;

b) Tài liệu phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải trên Cổng, Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật, Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan biên soạn tài liệu hoặc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia;

c) Tài liệu phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật phải được đăng tải trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày công bố hoặc ban hành văn bản.

3. Tổ chức phổ biến văn bản quy phạm pháp luật:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Cơ quan ban hành văn bản tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Cơ quan, tổ chức không quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm phổ biến văn bản quy phạm pháp luật cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Trách nhiệm giáo dục văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Nhà nước khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia, hỗ trợ phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật.

6. Nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với đối tượng, địa bàn.

Điều 12. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật

1. Trách nhiệm tiếp nhận kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp nhận, tham mưu cho cơ quan ban hành văn bản xử lý kiến nghị về văn bản quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Cơ quan ban hành văn bản tiếp nhận kiến nghị về văn bản quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật được gửi trực tiếp bằng văn bản hoặc qua Cổng, Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật.

3. Cơ quan tiếp nhận kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm thông tin về việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị cho cá nhân, tổ chức có kiến nghị.

Điều 13. Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về văn bản quy phạm pháp luật

1. Đối tượng được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm có liên quan trực tiếp đến việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm biên soạn đề cương tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản biên soạn đề cương tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đối với văn bản quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Cơ quan ban hành văn bản biên soạn đề cương tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đối với thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.

Điều 14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Theo văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, cơ quan, người có thẩm quyền hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện cung cấp thông tin, giải pháp, biện pháp, cách thức thực hiện quy định của văn bản quy phạm pháp luật cho từng trường hợp cụ thể.

2. Thẩm quyền hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực cho tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực quản lý cho cơ quan, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp dưới.

3. Văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ có giá trị đối với trường hợp được đề nghị hướng dẫn.

Mục 2

THEO DÕI VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 15. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm sau, kết quả hoạt động giám sát của Quốc hội, nội dung trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri và thực tiễn thi hành pháp luật xây dựng kế hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm sau, kết quả hoạt động giám sát của Quốc hội, nội dung trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri và thực tiễn thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch. Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào nghị quyết và kết quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp, kiến nghị của cử tri và thực tiễn thi hành pháp luật ở địa phương xây dựng kế hoạch, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 16. Nội dung theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Nội dung theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật gồm:

1. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật và các nhiệm vụ được giao để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật.

3. Theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật gồm các hoạt động sau đây:

a) Rà soát nghị quyết, kết quả hoạt động giám sát của cơ quan, tổ chức, trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, kiến nghị của cử tri;

b) Rà soát báo cáo của cơ quan, tổ chức, thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, kết quả phản ánh, kiến nghị;

c) Xây dựng mẫu phiếu khảo sát, thực hiện khảo sát, xử lý phiếu khảo sát và xây dựng báo cáo khảo sát; tổ chức tọa đàm, lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học;

d) Xử lý trong phạm vi thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

đ) Kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

e) Tổng hợp, xây dựng báo cáo về theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 17. Thu thập thông tin và xử lý kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Thông tin về việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật được thu thập từ các nguồn sau đây:

a) Báo cáo của cơ quan, tổ chức;

b) Thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Phản ánh, kiến nghị trực tiếp hoặc bằng văn bản của tổ chức, cá nhân;

d) Kết quả hoạt động điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác;

đ) Các nguồn thông tin khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý trong phạm vi thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi theo các nội dung sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật;

b) Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

c) Giải thích Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

d) Kiểm tra, rà soát, xử lý đối với văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;

đ) Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;

e) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm hiệu quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xử lý kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc kịp thời xử lý kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật hằng năm gửi Bộ Tư pháp.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng phương án khắc phục hạn chế, tồn tại và gửi về Bộ Tư pháp để tổng hợp, theo dõi.

5. Trường hợp phát hiện văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản áp dụng trái pháp luật, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu cơ quan ban hành văn bản đó kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Phương thức kiểm tra:

a) Kiểm tra định kỳ hằng năm công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành;

b) Kiểm tra định kỳ hằng năm theo yêu cầu quản lý nhà nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội;

c) Kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ tham mưu về quản lý nhà nước hoặc giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thực hiện kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

4. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ.

5. Nội dung kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 16 Nghị định này.

6. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Mục 3

SƠ KẾT, TỔNG KẾT, BÁO CÁO, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC THI HÀNH VÀ THEO DÕI VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 19. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Nội dung sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

- a) Việc triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, tác động của văn bản đến đời sống kinh tế - xã hội;
- c) Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân;
- d) Kiến nghị giải pháp để khắc phục khó khăn, vướng mắc và đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền thực hiện sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu quản lý nhà nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

3. Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật bao gồm một số hoạt động sau:

- a) Xây dựng kế hoạch sơ kết, tổng kết;
- b) Thu thập thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- c) Tổng hợp kết quả và đề xuất các giải pháp để khắc phục khó khăn, vướng mắc;
- d) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết;

đ) Xây dựng và hoàn thiện báo cáo gửi cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Điều 20. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật

1. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện định kỳ hằng năm.

2. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Đặc điểm tình hình và công tác chỉ đạo, điều hành;

b) Nội dung tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

c) Các điều kiện bảo đảm thi hành;

d) Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

đ) Kết quả theo dõi, đánh giá việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

e) Đề xuất, kiến nghị.

3. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật gồm các loại báo cáo sau:

a) Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật trình Chính phủ do Bộ Tư pháp chủ trì;

b) Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

c) Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp;

d) Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật theo chuyên đề, đột xuất;

đ) Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.

4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể chế độ báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 21. Cung cấp thông tin về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Việc cung cấp thông tin về tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo các nội dung sau đây:

1. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân cung cấp cho cơ quan hành chính nhà nước cùng cấp các thông tin, kết quả giám sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật khi có văn bản đề nghị (trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước).

2. Viện kiểm sát nhân dân cung cấp thông tin về việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

3. Tòa án nhân dân cung cấp thông tin về việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động xét xử.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin về việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật từ hoạt động giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi giám sát của Mặt trận.

5. Các cơ quan hành chính nhà nước cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu về công tác tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật do ngân sách nhà nước cấp theo phân cấp hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan thực hiện được sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ các dự án, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để bổ sung vào kinh phí tổ chức thi hành, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 23. Ngân sách bảo đảm cho hoạt động tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Ngân sách nhà nước được bố trí để triển khai thực hiện các hoạt động tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể gồm:

1. Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật gồm các hoạt động như sau: Rà soát nội dung văn bản quy phạm pháp luật; Tổ chức soạn thảo kế hoạch; Tổ chức họp, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của bộ, ngành, địa phương; Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu; Chính lý, hoàn thiện dự thảo kế hoạch; Văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu.

2. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật gồm các hoạt động như sau: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Khảo sát, đánh giá thực trạng áp dụng quy định được đề nghị hướng dẫn; Tổ chức soạn thảo văn bản hướng dẫn; Tổ chức họp, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của cơ quan có liên quan, các chuyên gia (trong trường hợp cần thiết); Chính lý, hoàn thiện văn bản hướng dẫn; Văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu.

3. Xử lý đề nghị, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật gồm các hoạt động như sau: Rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Tổ chức soạn thảo văn bản

trả lời kiến nghị; Tổ chức họp, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của cơ quan có liên quan; Chính lý, hoàn thiện văn bản trả lời kiến nghị; Văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu.

4. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ gồm các hoạt động như sau: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Khảo sát, đánh giá thực trạng áp dụng quy định được đề nghị hướng dẫn; Tổ chức soạn thảo văn bản hướng dẫn; Tổ chức họp, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của cơ quan có liên quan, các chuyên gia (trong trường hợp cần thiết); Chính lý, hoàn thiện văn bản hướng dẫn; Văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu;

5. Theo dõi, sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật gồm các hoạt động như sau: Rà soát nghị quyết, kết quả hoạt động giám sát của cơ quan, tổ chức, trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, kiến nghị của cử tri; Rà soát báo cáo của cơ quan, tổ chức, thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, kết quả phản ánh, kiến nghị; Xây dựng mẫu phiếu khảo sát, thực hiện khảo sát và xử lý phiếu khảo sát, xây dựng báo cáo khảo sát, tổ chức tọa đàm, lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học; Báo cáo sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

6. Xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật.

7. Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm bảo đảm và ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

8. Nội dung chi và mức chi quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9. Việc lập dự toán, phân bổ kinh phí thực hiện công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

2. Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật hết hiệu lực thi hành từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 26 của Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025 của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục được thực hiện theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (5b).

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính